

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Tùng;
2. Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc *Ly hôn*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 3, xã Th A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn X L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 3, xã Th A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh L. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, bản tự khai ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn X L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/7/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh L không tu chí làm ăn, cờ bạc, gây gổ với vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng

anh L không thay đổi. Vì vậy vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn X L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn X T, sinh ngày 30/9/1996 và cháu Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 24/7/2005. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, nên chị N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho anh Nguyễn X L, nhưng anh L không đến Tòa án. Vì vậy không có quan điểm trình bày của anh L, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa chị N và anh L được, thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS. Tòa án chỉ nhận được báo phát về việc anh L nhận thông báo thụ lý vụ án, các lần triệu tập anh L đến làm việc đều không thấy anh L đến Tòa án. Vì vậy ngày 11/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đến UBND xã Th A xác minh trường hợp anh Nguyễn X L có mặt tại địa phương hay không và có nhận được giấy triệu tập của Tòa án không. Theo chính quyền địa phương cho biết, Tòa án gửi giấy triệu tập về cho anh L thông qua UBND xã, UBND xã sau khi nhận được giấy đã tổng đạt cho anh L, anh L đã nhận giấy, nhưng anh L không có ý kiến gì. UBND xã đã gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh L 02 lần, đến lần thứ ba Tòa án gửi giấy triệu tập là anh L đã đi khỏi địa phương.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh L. Chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh Nguyễn X L; Về con chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn X T, sinh ngày 30/9/1996 và cháu Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 24/7/2005. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi, nên chị N không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị HĐXX xử: Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị N ly hôn anh Nguyễn X L.

Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn X L, anh L có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn 3, xã Th A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn X L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh L.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn X L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/7/1995 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến đầu năm 2009, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Tại biên bản xác minh ngày 11/4/2024 UBND xã Th A cũng cho biết, anh Nguyễn X L có nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng anh L không có ý kiến gì, sau đó khoảng giữa tháng 3/2024 anh L đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Như vậy chứng tỏ anh L biết việc chị N làm đơn xin ly hôn anh và cũng biết vụ việc đang được Tòa án xem xét giải quyết, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc mà sau đó bỏ đi làm ăn, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh L hợp lệ, nhưng anh L vẫn không về Tòa án làm việc. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị N đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị N đều khai nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn X T, sinh ngày 30/9/1996 và cháu Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 24/7/2005; Chị N xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 24/7/2005 và trích lục khai sinh của cháu Nguyễn X T, sinh ngày 30/9/1996, đều có ghi họ tên mẹ là chị Trịnh Thị N, họ tên bố là anh Nguyễn X L. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Nguyễn X T, sinh ngày 30/9/1996 và cháu Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 24/7/2005 là con chung của chị N và anh L. Quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày các cháu đã trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử

miễn xét.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị N ly hôn anh Nguyễn X L.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001805 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. (Chị N đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị N, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND huyện Thiệu Hóa,
- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- UBND xã Th A;
- Chi cục thi hành án dân sự Thiệu Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Đạt